

Số: 08/KL-TTr

Bến Tre, ngày 04 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018; các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; thực hiện các quy định về thu, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính của Trường Tiểu học Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 05/3/2024 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Bến Tre về việc thanh tra thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018; các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; thực hiện các quy định về thu, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính của Trường Tiểu học (TH) Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, từ ngày 14/3/2024 đến ngày 18/3/2024, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường TH Phước Mỹ Trung.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 01/4/2024 của Trường đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở GD&ĐT kết luận thanh tra như sau:

I. Khái quát chung

Trường TH Phước Mỹ Trung tọa lạc tại Khu phố Phước Hậu, thị trấn Phước Mỹ Trung; diện tích 7982 m², đảm bảo cho học sinh (HS) học tập, sinh hoạt, vui chơi. Nhiều năm qua, chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định, tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99% trở lên; tỉ lệ HS hoàn thành chương trình TH hàng năm đạt 100%.

Năm học 2023-2024, Trường TH Phước Mỹ Trung có 25 lớp, với 808 HS: Lớp 1: 05 lớp/161 HS; lớp 2: 05 lớp/168 HS; lớp 3: 05 lớp/149 HS; lớp 4: 05 lớp/156 HS; lớp 5: 05 lớp/173 HS. Bình quân 32 HS/lớp.

Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV): 42, trong đó: Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng; 37 GV (tỉ lệ 1,48 GV/lớp); 03 NV (Kế toán - Văn thư, Thư viện - Thiết bị, Y tế - Thủ quỹ).

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Thực hiện quy chế chuyên môn; thực hiện đổi mới CTGDPT 2018

1.1. Thực hiện hồ sơ, sổ sách, theo dõi hoạt động giáo dục

- Đối với nhà trường:

Nhà trường thực hiện các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường tiểu học như: Sổ đăng bộ, học bạ, bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp, sổ phổ cập giáo dục TH, hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, sổ quản lý các văn bản đi, đến.

- Đối với tổ chuyên môn:

Thực hiện sổ quản lý tổ, sổ ghi chép các hoạt động của tổ; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch từng học kỳ, kế hoạch tháng, tuần, kế hoạch về việc tổ chức lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng an ninh. Tuy nhiên, nội dung kế hoạch các môn học, hoạt động giáo dục thể hiện việc giao chỉ tiêu cụ thể cho từng thành viên trong khối về chất lượng các môn học, hoạt động giáo dục, các năng lực và phẩm chất ở từng mức độ là không phù hợp; sổ ghi biên bản sinh hoạt chuyên môn có bàn các nội dung điều chỉnh trong quá trình dạy học nhưng các nội dung này chưa thật sự trùng khớp với nội dung điều chỉnh của kế hoạch các môn học; nội dung sinh hoạt chuyên môn còn lồng ghép nội dung họp tổ công đoàn.

- Đối với giáo viên:

GV có kế hoạch bài dạy, sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, bảng tổng hợp theo dõi kết quả học tập, sổ chủ nhiệm (đối với GV có chủ nhiệm lớp). GV ứng dụng tốt phương tiện công nghệ thông tin để thiết lập các loại hồ sơ nên rất thuận tiện trong việc quản lý và theo dõi HS.

1.2. Quản lý việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

1.2.1. Thực hiện CTGDPT 2018 theo Thông tư số 32/2018/QĐ-BGDĐT ngày 26/02/2018 của Bộ GD&ĐT đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ của Phòng GD&ĐT, nhà trường xây dựng các loại kế hoạch để thuận tiện trong việc quản lý như: kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc¹ và các môn học tự chọn theo quy định² của CTGDPT 2018.

Năm học 2023-2024, nhà trường tổ chức dạy học 08 buổi/tuần đối với lớp 1 và dạy học 09 buổi/tuần đối với lớp 2 đến lớp 4; tổ chức bán trú cho 19 HS³; 100% HS lớp 1, lớp 2 được tham gia học Tiếng anh tự chọn (02 tiết/tuần) và làm quen với môn Tin học (01 tiết/tuần). Thời khóa biểu được sắp xếp theo tình hình biên chế của đơn vị.

Tuy nhiên, thời khóa biểu sắp xếp không đúng theo quy định, còn xếp tiết đôi ở một số môn⁴. Kế hoạch giáo dục nhà trường xây dựng còn thiếu phụ lục 1.4; một vài số liệu chưa chính xác (số tiết hoạt động củng cố tăng cường, kỹ năng sống, số tiết học Tin học ở phụ lục 1.1 chưa trùng khớp với thời khóa biểu); nhà trường giao chỉ tiêu cụ thể đối với các môn học, hoạt động giáo dục ở các mức độ cho từng khối lớp là không phù hợp; chỉ tiêu năng lực đặc thù nhà trường đề ra thiếu 02 tiêu chí Công nghệ và Tin học; một vài nội dung kế hoạch còn sao chép hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT, chưa cụ thể cho đơn vị. Nhà trường còn sử dụng văn bản hết hiệu lực trong việc xây dựng kế hoạch cụ thể như: Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 và Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 (Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT và Thông tư

¹ Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Đại lý, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Tin học và Công nghệ, Ngoại ngữ 1, Hoạt động trải nghiệm.

² Ngoại ngữ 1 (lớp 1, lớp 2).

³ Năm học 2023-2024, Khối 1: 161 HS/5 lớp; khối 2: 168 HS/5 lớp; khối 3: 149 HS/5 lớp; khối 4: 156 HS/5 lớp. Tổ chức bán trú: 19 HS, trong đó khối 1: 02 HS, khối 2: 06 HS, khối 3: 08 HS, khối 4: 03 HS.

⁴ Công văn số 2581/SGD&ĐT-GDMN-TH ngày 10/10/2023 về hướng dẫn tổ chức hoạt động chính khóa và hoạt động ngoại khóa trong nhà trường đối với cấp TH.

số 43/2020/TT-BGDĐT được thay thế bởi Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp TH có hiệu lực từ ngày 14/02/2022).

Tại thời điểm thanh tra, qua dự giờ 02 tiết dạy (Toán và Tiếng Việt lớp 4): GV có sự chuẩn bị khi lên lớp, dạy học đảm bảo theo yêu cầu cần đạt của môn học. Tuy nhiên, GV lên lớp chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, GV và HS làm việc chưa đồng bộ, chưa tạo điều kiện để HS phát triển các năng lực đặc thù.

1.2.2. Thực hiện CTGDPT hiện hành theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT đối với lớp 5

Nhà trường tổ chức dạy học 09 buổi/tuần cho 100% HS lớp 5 (173/173, tỷ lệ 100%); học Tiếng anh 04 tiết/tuần, Tin học 02 tiết/tuần, tỷ lệ 100%; ngoài ra còn chỉ đạo GV thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS để đáp ứng yêu cầu đổi mới CTGDPT 2018 theo quy định của Sở GD&ĐT⁵.

1.3. Công tác chỉ đạo triển khai, thay sách giáo khoa (SGK) lớp 1, 2, 3, 4, 5 và thực hiện đổi mới CTGDPT 2018

1.3.1. Tổ chức đề xuất lựa chọn SGK

Trong kỳ thanh tra, Nhà trường tổ chức đề xuất lựa chọn SGK lớp 3 (năm học 2022-2023), lớp 4 (năm học 2023-2024). Thực hiện quy trình đề xuất lựa chọn SGK theo Điều 8 và tổ chức thực hiện theo Điều 14, Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT Quy định việc lựa chọn SGK trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Thực hiện tốt công tác truyền thông trước khi tổ chức đề xuất lựa chọn SGK: thông báo danh mục SGK được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh phê duyệt đến GV, HS, CMHS qua họp CMHS đầu năm học, qua Zalo tập thể GV, đài truyền thanh xã:

- Lớp 3: Bộ sách Chân trời sáng tạo gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên xã hội, Hoạt động trải nghiệm, Công Nghệ, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Tin học; riêng môn Tiếng Anh của Global Success.

- Lớp 4: Bộ sách Chân trời sáng tạo gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Công Nghệ, Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh; Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống: Tin học.

Tuy nhiên, khi tổ chức đề xuất lựa chọn SGK lớp 3, 4 các tổ chuyên môn sử dụng cụm từ “lựa chọn SGK” trong một số văn bản là chưa đúng theo điểm a, khoản 1, Điều 8 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT.

Tại thời điểm thanh tra, nhà trường đang tổ chức thực hiện lựa chọn SGK lớp 5 (năm học 2024-2025) theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ GD&ĐT Quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông. Hiệu trưởng ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng lựa chọn SGK lớp 5 và xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn SGK; Quyết định thành lập các tổ chuyên môn lựa chọn SGK lớp 5; các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn SGK cho từng môn học.

⁵ Công văn số 2036/SGD&ĐT-GDTH ngày 06/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018.

Tuy nhiên, kế hoạch tổ chức lựa chọn SGK Hiệu trưởng ban hành là chưa đúng quy định theo Điều 7 của Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT (Hội đồng xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn SGK); sử dụng cụm từ “đề xuất lựa chọn SGK” là chưa đúng theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT.

1.3.2. Quản lý đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá

a) Thực hiện các hoạt động chuyên môn, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học:

Trong kỳ thanh tra, nhà trường đã triển khai cho GV các văn bản đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo quy định⁶; tạo điều kiện thuận lợi cho GV tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường để trao đổi học tập kinh nghiệm trong việc sử dụng các kỹ thuật dạy học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy; tổ chức thao giảng, chuyên đề, dự giờ để giúp GV rút kinh nghiệm điều chỉnh hình thức, phương pháp dạy học cụ thể như:

- Năm học 2022-2023: Dự giờ 28 tiết, thao giảng 03 tiết, 02 chuyên đề (trong đó dự giờ khối 1: 04 tiết; khối 2: 03 tiết; khối 3: 09 tiết; khối 4: 06 tiết; khối 5: 06 tiết; thao giảng khối 2, khối 3 và khối 4: mỗi khối 01 tiết; chuyên đề “Đổi mới phương pháp dạy học môn Toán lớp 01 và Đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Việt lớp 3).

- Năm học 2023-2024: Dự giờ 17 tiết, thao giảng 03 tiết, 01 chuyên đề (trong đó dự giờ khối 1: 02 tiết; khối 2: 03 tiết; khối 3: 04 tiết; khối 4: 04 tiết; khối 5: 04 tiết; thao giảng khối 02, khối 3 và khối 4: mỗi khối 01 tiết, chuyên đề Dạy học môn Toán lớp 2 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS lớp 2).

Tuy nhiên, việc thảo luận đóng góp ý kiến đối với các tiết thao giảng, chuyên đề GV ít có ý kiến, các tiết tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học GV chưa mạnh dạn đổi mới, còn tập trung phân tích những ưu điểm và hạn chế của GV giảng dạy.

b) Thực hiện kiểm tra và đánh giá học sinh:

Trong kỳ thanh tra, nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, ban hành quyết định thành lập hội đồng sao in, bảo mật đề kiểm tra; đề kiểm tra đảm bảo các mức độ cho từng khối lớp, xây dựng ma trận đề và đáp án cho từng môn rất cụ thể. Ngoài ra, nhà trường tổ chức kiểm tra lại cho HS chưa hoàn thành chương trình lớp học và tổ chức bàn giao chất lượng HS hằng năm. Tổ chức kiểm tra và đánh giá HS hàng năm đúng theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT⁷ đối với lớp 5 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT⁸ đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.

Tuy nhiên:

- Việc tổ chức kiểm tra lại cho HS chưa hoàn thành chương trình lớp học chưa đúng quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 11 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, nhà trường chỉ tổ chức kiểm tra lại các môn học có điểm dưới 5,0 nhưng chưa tổ chức bồi dưỡng cho HS đạt mức cần cố gắng ở các phẩm chất và năng lực; chưa tổ chức biên

⁶ Công văn 766/SGDĐT-GDTH ngày 22/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp TH.

⁷ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT-GDTH ngày 28/8/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định đánh giá HS TH; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT-GDTH ngày 22/9/2016 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá HS TH ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT.

⁸ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá HS TH.

soạn đề kiểm tra dự phòng để tổ chức cho HS kiểm tra lần 2 khi xảy ra trường hợp bất thường.

- Tổ chức bàn giao chất lượng HS lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 chưa đúng theo Điều 12 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT (Hiệu trưởng bàn giao chất lượng cho GV chủ nhiệm nhận lớp vào năm học sau, nội dung bàn giao chưa đầy đủ thông tin theo quy định).

c) Chất lượng giáo dục học sinh:

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học:

+ Năm học 2021-2022: 555/557, tỷ lệ 99,6%.

+ Năm học 2022-2023: 639/643, tỷ lệ 99,4%.

- Học sinh hoàn thành chương trình TH:

+ Năm học 2021-2022: 168/168, tỷ lệ 100%.

+ Năm học 2022-2023: 213/213, tỷ lệ 100%.

- Hiệu quả đào tạo:

+ Chu kỳ 2017-2022: 172/173, tỷ lệ 99,4%.

+ Chu kỳ 2018-2023: 208/214, tỷ lệ 97,2%.

Hiệu quả đào tạo sau 5 năm có chiều hướng giảm.

d) Chất lượng các hoạt động giáo dục khác:

Nhà trường xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục như: hoạt động giáo dục ngoài giờ theo chủ đề hàng tháng thông qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt Đội, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp; chỉ đạo GV tổ chức lồng ghép các nội dung giáo dục về môi trường, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, tài nguyên biển đảo, ứng phó biến đổi khí hậu, Lịch sử - Địa lý địa phương; An ninh quốc phòng; giảng dạy tài liệu Bác Hồ và những bài học về đạo đức lối sống dành cho HS từ lớp 2 đến lớp 5; giáo dục pháp luật; Quyền con người... được nhà trường chú trọng.

Năm học 2023-2024, nhà trường lựa chọn hình thức bài học STEM để tổ chức giảng dạy theo Kế hoạch số 1800/KH-SGD&ĐT⁹, nhà trường chỉ đạo GV lồng ghép nội dung giáo dục STEM vào các môn học theo quy định. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến trên hệ thống K12 Online, bước đầu GV đưa bài học lên hệ thống để HS vào tương tác.

2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Xây dựng đội ngũ

- Tổng số biên chế được giao: 42, biên chế hiện có 42. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 02 (Phó Hiệu trưởng: 01); Đạt chuẩn: 02, tỷ lệ: 100%.

+ Giáo viên: 37, trên chuẩn: 01/37 (tỷ lệ: 2,7%); đạt chuẩn: 35/37 (tỷ lệ: 94,6%), dưới chuẩn: 01/37 (tỷ lệ: 2,7 %).

+ Nhân viên: 03 (01 Kế toán, 01 Thư viện - Thiết bị, 01 Y tế).

⁹ Kế hoạch số 1800/KH-SGD&ĐT ngày 21/7/2023 của Sở GD&ĐT về việc tập huấn nội dung giáo dục STEM cấp TH.

- Nhân viên hợp đồng: 03 (02 bảo vệ, 01 phục vụ).
- Cơ cấu tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng: có 05 tổ Chuyên môn, 01 tổ Văn phòng. Có quyết định phân công Tổ trưởng, Tổ phó tổ Chuyên môn.
- Nhà trường tham mưu Phòng GD&ĐT trình Ủy ban nhân dân (UBND) huyện ban hành quyết định công nhận Hội đồng Trường TH Phước Mỹ Trung, số lượng 08 người (*Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 21/3/2024*).

2.2. Công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động khác

2.2.1. Công tác quản lý, sử dụng

Trường có bảng phân công viên chức đầu năm theo quy định. Quản lý hồ sơ viên chức đơn vị khá tốt, cập nhật hồ sơ viên chức khá đầy đủ theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức. Tuy nhiên, hồ sơ cá nhân của viên chức mới tuyển dụng chưa cập nhật đầy đủ theo quy định.

2.2.2. Đánh giá viên chức

Thực hiện nghiêm túc việc nhận xét, đánh giá CBQL, GV, NV theo Hướng dẫn hàng năm của Sở GD&ĐT về việc nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập. Tuy nhiên, nhà trường thiếu thông báo kết quả đánh giá viên chức.

Thực hiện tốt việc đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018; chuẩn GV theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 630/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 16/02/2012 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại Phó Hiệu trưởng các trường mầm non, phổ thông và Phó Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên.

2.2.3. Thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động khác

Thực hiện chế độ chính sách đối với CBQL, GV, NV đúng quy định như: nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, hưởng (*tăng*) phụ cấp thâm niên nhà giáo, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp, phụ cấp chức vụ.

2.3. Kinh phí cho hoạt động giáo dục

- Hàng năm, kinh phí hoạt động do ngân sách cấp đảm bảo chi cho hoạt động nhà trường.

- Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quyết toán thu, chi nguồn khác, mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; các nguồn thu ngoài ngân sách đều được hạch toán vào cùng một hệ thống sổ sách kế toán, kế toán được làm trên phần mềm.

2.4. Cơ sở vật chất, tài liệu giáo dục, thiết bị dạy học

Khối phòng học: có 25 phòng (12 phòng học kiên cố, 13 phòng học bán kiên cố). Phòng học đảm bảo tỉ lệ mỗi lớp/01 phòng, cơ bản đáp ứng tốt cho việc thực hiện CTGDPT 2018.

Khối phòng chức năng: 09 phòng (01 Phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 Văn phòng; 01 phòng Thư viện; 01 phòng Y tế; 01 phòng Thiết bị; 02 phòng Tin học; 01 phòng Bảo vệ).

Hiện tại trường còn thiếu các phòng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, TH, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học nên không đủ điều kiện để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Thư viện trường được công nhận xuất sắc theo Quyết định số 61/QĐ-SGD&ĐT ngày 17/01/2020 của Sở GD&ĐT Bến Tre về công nhận Thư viện trường học xuất sắc theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông. Thư viện được trang bị các loại SGK, tài liệu tham khảo, các loại tạp chí tương đối đầy đủ. Hằng năm, nhà trường mua bổ sung thêm các loại sách tham khảo để phục vụ bạn đọc tạo điều kiện thuận lợi cho GV đầu tư, nghiên cứu để giảng dạy các lớp thay SGK. Tổng số sách tại Thư viện có 7.790 bản, các loại sách trong Thư viện được xử lý đúng kỹ thuật, nghiệp vụ, sắp xếp ngăn nắp gọn gàng, phục vụ có hiệu quả nhu cầu đọc sách của HS; HS có đủ SGK để học tập.

Nhà trường được trang bị các đồ dùng dạy học hiện đại (màn hình thông minh) cho khối 1, khối 2 và khối 3 nhằm phục vụ công tác giảng dạy. Ngoài ra còn được cung cấp các thiết bị theo Quyết định số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp TH nhằm đáp ứng CTGDPT 2018.

3. Thực hiện các quy định về thu, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính

3.1. Hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập

- Năm học 2002-2023:

+ Học kỳ I: 14 HS thuộc diện hộ nghèo, kinh phí giải quyết 8.400.000 đồng.

+ Học kỳ II: 14 HS thuộc diện hộ nghèo, kinh phí giải quyết 10.500.000 đồng.

- Năm học 2023-2024: 14 HS thuộc diện hộ nghèo, kinh phí giải quyết 8.400.000 đồng (học kỳ I).

Nhà trường giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho HS. Đối tượng giải quyết chế độ đúng quy định theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

3.2. Các nguồn lực tài chính khác

3.2.1. Thu hoa hồng BHYT học sinh

Mức chi: chi cho công tác quản lý 0,7%; chi cho Cộng tác viên 0,7%; chi cho Giáo viên chủ nhiệm 1,2%; chi cho kế toán 0,2%.

- Năm học 2022-2023: Tồn năm học trước mang sang 00 đồng; thu 13.115.517 đồng; chi 13.115.517 đồng.

- Năm học 2023-2024: Tồn năm học trước mang sang 00 đồng; thu 14.474.149 đồng; chi 14.474.149 đồng.

3.2.2. Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu

- Năm học 2022-2023: Tồn năm học trước mang sang 58.873.366 đồng; thu 37.827.237 đồng; chi 1.411.000 đồng; tồn 95.253.603 đồng.

- Năm học 2023-2024: Tồn năm học trước mang sang 95.253.603 đồng; thu 38.622.762 đồng; chi 13.381.000 đồng; tồn đến thời điểm thanh tra 130.495.365 đồng.

Chứng từ chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ và Hướng dẫn Liên ngành số 1306/HDLN-BHXH-SYT-SGD&ĐT ngày 26/8/2019 giữa BHXH tỉnh - Sở Y tế - Sở GD&ĐT về điều kiện thực hiện mức trích chuyển, trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với HS, sinh viên theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2.3. Quỹ bán trú

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú được Phòng GD&ĐT phê duyệt¹⁰, mức thu tính theo suất ăn là 27.000 đồng/suất. Thu tiền thuê NV phục vụ 69.000 đồng/HS/tháng. Tiền bán trú thu được thủ quỹ nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc nhà nước huyện Mỏ Cày Bắc.

- Chi thanh toán suất ăn: Định kỳ 02 hoặc 03 tháng đơn vị cung cấp suất ăn tổng hợp các lần cung cấp và sau đó xuất hóa đơn 01 lần, nhà trường căn cứ vào hóa đơn để thanh toán cho nhà cung cấp.

- Chi tiền NV phục vụ bán trú: Theo Kế hoạch tổ chức nhà trường có phân công NV Y tế của trường làm việc ngoài giờ phụ trách công việc bán trú, mức chi nhà trường căn cứ vào mức thu theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bến Tre quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre để làm cơ sở cho mức chi (thu 69.000 đồng/HS/tháng, chi 69.000 đồng/HS/tháng; HS thuộc diện hộ cận nghèo thu 35.000 đồng/HS/tháng, chi 35.000 đồng/HS/tháng).

- Năm học 2022-2023: Tồn năm học trước mang sang 31.000 đồng; thu 49.122.000 đồng; chi 49.122.000 đồng; tồn 31.000 đồng.

- Năm học 2023-2024: Tồn năm học trước mang sang 31.000 đồng; thu 29.901.000 đồng; chi 29.901.000 đồng; tồn đến thời điểm thanh tra 31.000 đồng.

3.2.4. Quỹ dạy học Tiếng Anh lớp 1

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức dạy Tiếng Anh¹¹ và hợp đồng giáo viên Tiếng Anh (khối lớp 1 năm học 2023-2024), mức thu của hai năm học là 2.000đồng/tiết x 70 tiết = 140.000 đồng/HS/năm học, nhà trường có tổ chức họp CMHS lấy ý kiến trước khi thực hiện, mức chi cho GV thỉnh giảng với đơn giá là 62.800 đồng/tiết.

¹⁰ Kế hoạch số 53/KH-THPMT ngày 27/9/2022 về việc tổ chức bán trú năm học 2022-2023; Kế hoạch số 69/KH-THPMT ngày 17/10/2023 về việc tổ chức bán trú năm học 2023-2024.

¹¹ Kế hoạch số 41/KH-THPMT ngày 05/9/2022 về tổ chức dạy Tiếng Anh năm học 2022-2023; Kế hoạch số 48/KH-THPMT ngày 30/8/2023 về việc dạy Tiếng Anh năm học 2023-2024.

- Năm học 2022-2023: Tồn năm học trước mang sang 6.560.300 đồng; thu 53.985.000 đồng; chi 39.375.600 đồng; tồn 21.169.700 đồng.

- Năm học 2023-2024: Tồn năm học trước mang sang 21.169.700 đồng; thu 21.910.000 đồng; chi 10.642.000 đồng; tồn đến thời điểm thanh tra 32.437.700 đồng.

Cuối năm học 2022-2023, nguồn quỹ Tiếng Anh còn tồn khá lớn, nhà trường chưa có phương án xử lý là chưa đúng theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh (thu đủ bù chi, không lợi nhuận).

3.2.5. Quỹ vệ sinh

Thực hiện thu theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh, nhà trường thực hiện mức thu 6.000 đồng x 9 tháng = 54.000 đồng/HS/năm, HS hộ cận nghèo thu 3.000 đồng x 9 tháng = 27.000 đồng/HS/năm.

- Năm học 2022-2023: Tồn năm học trước mang sang 00 đồng; thu 43.578.000 đồng; chi 43.400.000 đồng; tồn 178.000 đồng.

- Năm học 2023-2024: Tồn năm học trước mang sang 178.000 đồng; thu 42.168.000 đồng; chi 14.379.000 đồng; tồn đến thời điểm thanh tra 27.967.000 đồng.

3.2.6. Kinh phí Ban đại diện CMHS

Thực hiện Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS, hàng năm nhà trường tổ chức Đại hội CMHS và bầu ra Ban đại diện CMHS lớp, trường; xây dựng quy chế phối hợp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường; kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường được trích từ kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS các lớp (mức trích 80% của lớp), có tổ chức công khai.

- Năm học 2022-2023: Tồn năm học trước mang sang 00 đồng; thu 41.264.000 đồng; chi 27.187.000 đồng; tồn 14.077.000 đồng.

- Năm học 2023-2024: Tồn năm học trước mang sang 14.077.000 đồng; thu 34.640.000 đồng; chi 30.064.000 đồng; tồn đến thời điểm thanh tra 18.653.000 đồng.

3.2.7. Thực hiện công khai tài chính

Nhà trường thực hiện công khai tài chính trên cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường. Các biểu mẫu thực hiện đúng theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

III. Kết luận

1. Ưu điểm

Nhà trường thiết lập các loại hồ sơ, sổ sách theo Điều lệ trường TH. Hiệu trưởng quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy học. Tổ chuyên môn trong nhà trường có quan tâm đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, GV soạn giảng đúng chương trình. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền đổi mới CTGDPT 2018, tổ chức dự giờ, thao giảng đối với các khối lớp thay SGK nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Đội ngũ CBQL, GV, NV đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong nhà trường theo quy định. Công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo, CBQL giáo dục và người lao động khác được thực hiện khá đầy đủ và đúng quy định.

Thực hiện mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính; công khai tài chính đầy đủ. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho HS đúng quy định theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Tỷ lệ thu BHYT học sinh hằng năm đều đạt 100%.

2. Hạn chế

2.1. Thực hiện quy chế chuyên môn; thực hiện đổi mới CTGDPT 2018

Tổ chức kiểm tra lại cho HS chưa hoàn thành chương trình lớp học chưa đúng theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 11 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; tổ chức bàn giao chất lượng HS lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 chưa đúng theo Điều 12 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học chưa bàn sâu về chuyên môn, chưa mạnh dạn đổi mới.

2.2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Năm học 2022-2023, nhà trường thành lập tổ chuyên môn và phân công tổ trưởng, tổ phó chưa đúng quy trình.

Quyết định Hội đồng trường chưa đảm bảo đúng thành phần và số lượng quy định theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường TH.

Chưa thiết lập hồ sơ viên chức khi mới tuyển dụng theo quy định. Hiệu trưởng chưa ban hành quy chế hoạt động của đơn vị.

2.3. Thực hiện các qui định về thu, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính

Nguồn kinh phí hoa hồng BHYT HS và các nguồn thu, chi theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh chưa đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ.

Hồ sơ giải quyết chế độ hỗ trợ chi phí học tập chưa đầy đủ (trong 03 học kỳ đều thiếu đơn đề nghị được hỗ trợ chi phí học tập).

Hồ sơ thanh toán nguồn kinh phí bán trú chưa có thanh lý hợp đồng của từng đợt, không thực hiện khảo giá của 03 nhà cung cấp, không có quyết định chỉ định đơn vị cung cấp.

Kế hoạch tổ chức dạy môn Tiếng Anh lớp 1 nhà trường chỉ xây dựng ở phạm vi mức thu và chi trên 01 HS, không nêu quy mô tổ chức, dự kiến số lượng HS lớp 1 của toàn trường để lên dự toán thu, chi.

Chưa hướng dẫn Ban đại diện CMHS thành lập sổ sách, ra phiếu thu, phiếu chi cho các nghiệp vụ phát sinh.

2.4. Nguyên nhân của hạn chế

Lãnh đạo nhà trường chưa nghiên cứu kỹ các văn bản quy định về chuyên môn đối với cấp TH. Công tác kiểm tra của CBQL trong nhà trường chưa hiệu quả, chưa

phát hiện kịp thời những sai sót để chấn chỉnh rút kinh nghiệm cho GV nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Kế toán đơn vị chưa đầu tư nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn về thu, chi tài chính.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không có

V. Kiến nghị biện pháp xử lý

1. Đối với Hiệu trưởng Trường TH Phước Mỹ Trung

1.1. Thực hiện quy chế chuyên môn; thực hiện đổi mới CTGDPT 2018

- Nghiên cứu và thực hiện đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật trong việc chỉ đạo chuyên môn cấp TH của Sở, Phòng GD&ĐT. Tăng cường công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện các thiếu sót của GV nhằm tư vấn, thúc đẩy giúp GV tiến bộ.

- Tổ chức tập huấn lại cho GV Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT để tổ chức kiểm tra lại và bàn giao HS đúng theo quy định.

- Tiếp tục nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức thao giảng, chuyên đề đối với các môn học, hoạt động giáo dục của CTGDPT 2018 nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

1.2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Xây dựng quy chế hoạt động của đơn vị để đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận trong đơn vị được chặt chẽ.

- Thiết lập hồ sơ viên chức khi mới tuyển dụng theo quy định

1.3. Thực hiện các quy định về thu, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính

- Bổ sung mức chi hoa hồng BHYT và các nguồn thu, chi theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh vào quy chế chi tiêu nội bộ.

- Thực hiện giải quyết chế độ hỗ trợ chi phí học tập đúng quy định theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Hồ sơ tổ chức bán trú: Bổ sung hồ sơ thanh lý hợp đồng của từng đợt, phiếu khảo giá của 03 nhà cung cấp và quyết định chỉ định đơn vị cung cấp.

- Bổ sung quy mô tổ chức, dự kiến số lượng HS lớp 1 của toàn trường, lập dự toán thu, chi vào kế hoạch tổ chức dạy môn Tiếng Anh lớp 1.

- Hướng dẫn Ban đại diện CMHS thành lập sổ sách, ra phiếu thu, phiếu chi cho các nghiệp vụ phát sinh đúng quy định.

- Chỉ đạo nhân viên Kế toán đơn vị nghiên cứu kỹ hơn các văn bản hướng dẫn về thu, chi tài chính.

1.4. Đối với những nội dung trong kết luận thanh tra mà chưa thực hiện được ngay, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công khai kết luận thanh tra, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch khắc phục các hạn chế được ghi tại mục 2- phần III của Kết luận này gửi về Sở GD&ĐT (Thanh tra Sở) để theo dõi.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công khai kết luận thanh tra, căn cứ nội dung trong kết luận thanh tra, Hiệu trưởng tổ chức rút kinh nghiệm tất cả những ưu điểm, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra, kiểm tra việc xây dựng các phương án thực

hiện kết luận thanh tra và gửi báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra sau 45 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

2. Đối với Phòng GD&ĐT huyện Mỏ Cày Bắc

Trên cơ sở tham mưu của Trường TH Phước Mỹ Trung, Phòng GD&ĐT huyện Mỏ Cày Bắc tham mưu UBND huyện Mỏ Cày Bắc kiện toàn Hội đồng trường đảm bảo đúng số lượng và thành phần theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Kịp thời chỉ đạo Hiệu trưởng Trường TH Phước Mỹ Trung tổ chức thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Kết luận thanh tra trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ GD&ĐT
- Thanh tra tỉnh
- Giám đốc
- Phó GD Bùi Minh Nhật (để theo dõi);
- Trường TH Phước Mỹ Trung (để thực hiện);
- Phòng GD&ĐT huyện Mỏ Cày Bắc (để biết);
- Lưu: TTr, HSTr, đăng Công thông tin Sở GD&ĐT.

(để báo cáo);

CHÁNH THANH TRA



Phạm Văn Hùng